CHUYÊN ĐỀ 2 PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ, XÃ HỘI (10 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nêu được những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.

– Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.

2. Năng lực

– *Điều chỉnh hành vi:* Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực đối với sự biến đổi của văn hoá, xã hội dưới sự tác động của phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực.

– *Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Thực hiện được bài tập nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực; Đưa ra ý kiến đánh giá một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế xã hội nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: Có trách nhiệm công dân về các vấn đề có liên quan đến sự biến đổi của kinh tế, văn hoá, xã hội dưới tác động của phát triển kinh tế; hướng dẫn và nhắc nhở người khác phát huy mặt tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Tài liệu

SGK, SGV Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12.

2. Học liệu

Video/tranh ảnh cho hoạt động khởi động (nếu có), phiếu học tập sử dụng cho các hoạt động trong bài.

3. Thiết bị

Bảng nhóm, giấy A0, bút dạ, bút màu, máy tính, máy chiếu,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động (10')

a) Mục tiêu:

TIẾT 1

– Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học.

– Khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học mới, tạo hứng thú cho HS.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS: *Em hãy kể một thay đổi về nhu cầu văn hoá dưới tác động của phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta và lợi ích mang lại từ sự thay đổi đó.*

GV cũng có thể khởi động bằng cách cho HS xem một vài tranh ảnh về sự thay đổi của văn hoá dưới tác động của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế hoặc video về lợi ích của sự thay đổi đó đối với cộng đồng/cá nhân và chia sẻ những hiểu biết của mình về sự thay đổi đó.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

– GV mời 1 − 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như trong SGK.

2. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu những biến đổi tích cực của văn hoá do tác động của phát triển kinh tế và nguyên nhân (35')

a) Mục tiêu:

– Nêu được những biến đổi tích cực của văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế.

– Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi tích cực của văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu những biến đổi tích cực của văn hoá dưới tác động của sự phát triển kinh tế (20')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và hộp Em có biết trong SGK để trả lời câu hỏi:

Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tích cực nào của văn hoá dưới tác động của sự phát triển kinh tế? Em hãy kể thêm những biến đổi tích cực khác của văn hoá do phát triển kinh tế mang lại.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 − 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tích cực của văn hoá dưới tác động của sự phát triển kinh tế:

+ Nhờ sự phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đã tạo ra cơ hội và điều kiện cho sự giao lưu văn hoá giữa các quốc gia, dân tộc được mở rộng, mang nền văn hoá đặc sắc của dân tộc này đến với các dân tộc khác; làm phong phú, đa dạng thêm cho nền văn hoá của vùng, miền và cùng hướng tới mục tiêu dân tộc và hiện đại.

+ Nhờ sự phát triển kinh tế, đời sống vật chất của người dân được nâng cao, dẫn tới những thay đổi đời sống văn hoá, tinh thần. Những đòi hỏi của nền kinh tế công nghiệp hiện đại dẫn đến sự thay đổi về các giá trị đạo đức, lối sống. Con người rèn luyện được tác phong công nghiệp, lối sống trách nhiệm, chủ động, năng động, sáng tạo, có ý thức kỉ luật, tự giác, nỗ lực vươn lên.

+ Sự phát triển khoa học công nghệ và truyền thông giúp con người dễ dàng tiếp cận với kiến thức, nghệ thuật, văn hoá. Nhờ đó, nhu cầu giải trí, giáo dục, sáng tạo nghệ thuật ngày càng thay đổi và nâng cao.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nguyên nhân của những biến đổi tích cực của văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế (15')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:
Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến những biến đổi tích cực của văn hoá dưới tác động của phát triển kinh tế?
– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 − 2 đại diện nhóm/HS trong lớp trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Những biến đổi tích cực của văn hoá có nguyên nhân chủ yếu từ sự phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, nhờ đó mà đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao, dẫn tới những thay đổi trong đời sống văn hoá, tinh thần; thay đổi các giá trị đạo đức, lối sống; từ sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hoá giúp con người dễ dàng tiếp cận các kiến thức, nghệ thuật, văn hoá.

TIẾT 2

1. Khởi động (5')
GV mời 1 −2 HS nhắc lại tóm tắt những kiến thức đã khám phá ở tiết 1.
2. Khám phá (tiếp theo)
Hoạt động 2: Tìm hiểu những biến đổi tiêu cực của văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế và nguyên nhân (40')
a) Mục tiêu:
– Nêu được những biến đổi tiêu cực của văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế.
– Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi tiêu cực của văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế.
b) Tổ chức thực hiện:
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu những biến đổi tiêu cực của văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế (25')
– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:
Từ những thông tin trên, em hãy nêu những biến đổi tiêu cực của văn hoá dưới tác động của sự phát triển kinh tế. Hãy kể thêm những biến đổi tiêu cực khác của văn hoá do phát triển kinh tế mang lại.
– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 − 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Những biến đổi tiêu cực của văn hoá dưới tác động của sự phát triển kinh tế:
+ Xu thế hội nhập và mở cửa đã làm xuất hiện tư tưởng sùng ngoại, chạy theo các giá trị tiêu cực trong văn hoá ngoại lai, sự mai một của các giá trị văn hoá truyền thống.
+ Kinh tế thị trường phát triển dẫn đến khoảng cách giàu – nghèo gia tăng, khiến cơ hội hưởng thụ, tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ văn hoá không đồng đều.
+ Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá dẫn đến sự suy giảm nghề thủ công truyền thống và mất đi giá trị văn hoá của các ngành nghề này.
+ Quản lí nhà nước chưa thích ứng với cơ chế thị trường, còn tình trạng quan liêu, thiếu

minh bạch; sự phối hợp giữa các bộ, ngành chưa linh hoạt. Nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hoá còn thiếu. Một số ngành công nghiệp văn hoá phát triển theo hướng xã hội hoá chưa mang tính chuyên nghiệp, chưa có sự đầu tư lớn theo một chiến lược phát triển kinh tế, văn hoá dài hạn,…

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nguyên nhân của những biến đổi tiêu cực của văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế (15')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến những biến đổi tiêu cực của văn hoá dưới tác động của phát triển kinh tế?

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 − 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những biến đổi tiêu cực của văn hoá dưới tác động của phát triển kinh tế là do tác động của kinh tế thị trường, từ sự tác động của văn minh công nghiệp, do ảnh hưởng của toàn cầu hoá dẫn tới xu hướng sùng bái những giá trị vật chất; quay lưng với những giá trị và truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc; tôn thờ lối sống vị kỉ và chủ nghĩa cá nhân, cái tôi lấn lướt các giá trị cộng đồng, tập thể; thực dụng, chạy theo cám dỗ vật chất, đồng tiền; mờ nhạt, xem nhẹ lí tưởng cách mạng;...

TIẾT 3

1. Khởi động (5')

GV mời 1 − 2 HS nhắc lại tóm tắt những kiến thức đã khám phá ở tiết 2.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 3: Tìm hiểu những biến đổi tích cực của xã hội dưới tác động của sự phát triển kinh tế và nguyên nhân (40')

a) Mục tiêu:

– Nêu được những biến đổi tích cực của xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.

– Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi tích cực của xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu những biến đổi tích cực của xã hội dưới tác động của sự phát triển kinh tế (25')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tích cực nào của xã hội dưới tác động của sự phát triển kinh tế? Em hãy kể thêm những biến đổi tích cực khác của xã hội do phát triển kinh tế mang lại.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 − 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tích cực của xã hội dưới tác động của sự phát triển kinh tế:

+ Phát triển kinh tế tạo ra cơ hội về việc làm, gia tăng thu nhập cho người dân giúp cải thiện mức sống, giảm bớt đói nghèo trong xã hội.

+ Phát triển kinh tế gắn liền với đảm bảo tiến bộ xã hội, cung cấp những điều kiện vật chất

để xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, viễn thông, các dịch vụ y tế, giáo dục,…) góp phần tăng khả năng tiếp cận các thông tin, giảm khoảng cách giữa các khu vực, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nguyên nhân của những biến đổi tích cực của xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế (15')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến những biến đổi tích cực của xã hội dưới tác động của phát triển kinh tế?

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 − 2 đại diện nhóm/HS trong lớp trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Nguyên nhân dẫn đến những biến đổi tích cực của xã hội dưới tác động của phát triển kinh tế là do quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, do tác động của cơ chế thị trường và do quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

TIẾT 4

1. Khởi động (5')

GV mời 1 − 2 HS nhắc lại tóm tắt những kiến thức đã khám phá ở tiết 3.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 4: Tìm hiểu những biến đổi tiêu cực của xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế và nguyên nhân (40')

a) Mục tiêu:

– Nêu được những biến đổi tiêu cực của xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.

– Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi tiêu cực của xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu những biến đổi tiêu cực của xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế (25')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tiêu cực nào của xã hội dưới tác động của sự phát triển kinh tế? Em hãy kể thêm những biến đổi tiêu cực khác của xã hội do phát triển kinh tế mang lại.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 − 2 đại diện nhóm/HS trong lớp trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Những thông tin trên phản ánh những biến đổi tiêu cực của xã hội dưới tác động của sự phát triển kinh tế:

+ Mặt trái của kinh tế thị trường là gây ra sự phân hoá giàu – nghèo.

+ Sự tăng trưởng kinh tế thường đi kèm với hiện tượng đô thị hoá nhanh, khiến các thành phố trở nên quá tải về cơ sở hạ tầng, dịch vụ và nhà ở; trong khi nông thôn mất đi nguồn nhân lực và tài nguyên, gây ra mất cân bằng đô thị − nông thôn.

+ Phát triển kinh tế thường đi liền với việc gây ô nhiễm môi trường, khai thác cạn kiệt các

nguồn tài nguyên thiên nhiên, suy thoái hệ sinh thái tự nhiên, gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống.

+ Kinh tế thị trường làm tăng áp lực về cạnh tranh, căng thẳng xã hội, làm nảy sinh các vấn đề về an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến những biến đổi tiêu cực của xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế (15')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến những biến đổi tiêu cực của xã hội dưới tác động của phát triển kinh tế?

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 − 2 đại diện nhóm/HS trong lớp trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Những biến đổi của xã hội dưới tác động của phát triển kinh tế phần lớn là do công tác quản lí của Nhà nước chưa hiệu quả, chưa giải quyết hài hoà giữa mục tiêu phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường. Ngoài ra còn do hạn chế về nhận thức của cộng đồng về tác động của sự phát triển kinh tế đối với môi trường và xã hội.

– GV kết luận theo nội dung chốt kiến thức trong SGK.

TIẾT 5

1. Khởi động (5')

GV mời 1 − 2 HS nhắc lại tóm tắt những kiến thức đã khám phá ở tiết 4.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 5: Nêu và đánh giá một số giải pháp và chính sách nhằm hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực của sự phát triển kinh tế đến những biến đổi văn hoá, xã hội (35')

a) Mục tiêu:

Nêu và đánh giá được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế xã hội nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

Nhiệm vụ 1: Nêu các giải pháp để phát huy các tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến những biến đổi văn hoá, xã hội (15')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

Các thông tin trên đã đề cập đến những giải pháp nào để phát huy tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đối với những biến đổi văn hoá, xã hội?

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 2 − 3 đại diện nhóm/HS trong lớp trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Các thông tin trên đã đề cập đến những giải pháp:

+ Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

• Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế – xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó

khăn, vùng ven biển và hải đảo.
• Đa dạng hoá sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo.
• Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.
• Phát triển giáo dục nghề, việc làm bền vững.
• Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo,...
+ Thực hiện Chiến lược phát triển văn hoá:
• Nâng cao nhận thức, đẩy mạnh tuyên truyền về phát triển văn hoá.
• Hoàn thiện thể chế, chính sách, khung khổ pháp lí.
• Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.
• Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.
• Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hoá.
• Bảo vệ và phát huy di sản văn hoá dân tộc.
• Chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hoá,…
+ Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội:
• Phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam.
• Khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí kiên cường và lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội.
• Xây dựng môi trường và đời sống văn hoá phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế, đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật.

Nhiệm vụ 2: Đánh giá tác động của những biện pháp, chính sách đối với việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội (20')

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:
Hãy đánh giá tác động của những biện pháp, chính sách đó đối với việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong thực tế.
– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.
– GV mời 2 − 3 đại diện nhóm/HS trong lớp trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Tác động của những biện pháp, chính sách đó đối với việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong thực tế:
+ *Về kinh tế*: tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gắn sản xuất với thị trường; mở rộng quan hệ thương mại quốc tế tới nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ; cải thiện cán cân thương mại, thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.
+ *Về văn hoá, xã hội*: cải thiện tiến bộ và công bằng xã hội, đời sống của đại bộ phận dân cư được nâng lên rõ rệt; phát triển khoa học công nghệ, tăng năng suất lao động;
phát huy sức mạnh giá trị văn hoá, con người Việt Nam trên thế giới, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

Nhiệm vụ 3: Sưu tầm tài liệu (5')

GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị trước ở nhà câu hỏi số 3 trong SGK để tiết sau GV tổ chức hoạt động thảo luận trên lớp: *Em hãy sưu tầm bài báo, hình ảnh, số liệu, video,... về tác động tích cực/tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương mình. Từ đó đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.*

TIẾT 6

1. Khởi động (5')

GV mời 1 − 2 HS nhắc lại tóm tắt những kiến thức đã khám phá ở tiết 5.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 6: Nêu các tác động tích cực/tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương và đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực (40')

a) Mục tiêu: Nêu được các tác động tích cực/tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương mình, từ đó đề xuất một số giải pháp để hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Nêu các tác động tích cực/tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương mình, từ đó đề xuất một số giải pháp để hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực (35')

– GV giao cho HS thực hiện nhiệm vụ 3 trong SGK:

Em hãy sưu tầm bài báo, hình ảnh, số liệu, video,... về tác động tích cực/tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương mình. Từ đó đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập, chuẩn bị video lưu trong máy tính hoặc gửi đường link cho GV, bài báo hay hình ảnh có thể in hoặc trình chiếu trong quá trình nhóm báo cáo.

– GV mời 2 − 3 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận.

Lưu ý: GV có thể tách thành 2 hoạt động:

– Hoạt động 1: Trình bày về tác động tích cực/tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương mình. (25')

– Hoạt động 2: Đề xuất một số giải pháp để hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực. (15')

Nhiệm vụ 2: Sưu tầm tài liệu (5')

GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị trước ở nhà câu hỏi số 4 trong SGK để tiết sau GV tổ chức hoạt động thảo luận trên lớp: *Em hãy chia sẻ với các bạn trong nhóm về một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.*

TIẾT 7

1. Khởi động (5')

GV mời 1 − 2 HS nhắc lại tóm tắt những kiến thức đã khám phá ở tiết 6.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 7: Chia sẻ về một số giải pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực của sự phát triển kinh tế đến những biến đổi văn hoá, xã hội (30')

a) Mục tiêu: HS chia sẻ được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời câu hỏi 4 trong SGK: *Em hãy chia sẻ với các bạn trong*

nhóm về một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

– HS thực hiện nhiệm vụ, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập.

– GV mời 2 − 3 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình, các HS khác bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận.

3. Thực hành (10')

a) Mục tiêu:

HS biết vận dụng những điều đã học để phân tích, đánh giá những vấn đề có liên quan đến nội dung bài học; liên hệ với bản thân.

b) Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập thực hành trong SGK: *Nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội ở địa phương mình sinh sống; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.*

GV hướng dẫn HS thực hiện chủ đề nghiên cứu.

– *Mục tiêu:* Xây dựng và thực hiện được chủ đề cần nghiên cứu.

– *Nhiệm vụ:* Lập nhóm và thảo luận trên cơ sở các vấn đề đặt ra, các thành viên trong nhóm thảo luận để xác định chủ đề nghiên cứu:

+ Tác động của quá trình đô thị hoá đối với sự biến đổi các giá trị đạo đức, lối sống.

+ Giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực của quá trình đô thị hoá đối với sự biến đổi các giá trị đạo đức, lối sống.

– *Sản phẩm:* Thành lập được nhóm, bầu nhóm trưởng, bước đầu xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ.

TIẾT 8

1. Khởi động (5')

GV cho HS xem video về sự phát triển kinh tế dẫn đến sự thay đổi về văn hoá, xã hội ở địa phương.

2. Ôn lại kiến thức toàn bài (20')

a) Mục tiêu: HS củng cố, hoàn thiện tri thức ở phần Khám phá.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung kiến thức của bài học.

– HS thực hiện theo nhóm và vẽ sơ đồ tóm tắt kiến thức toàn bài ra giấy A4.

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập; mời các nhóm mang bản tóm tắt treo lên bảng hoặc quanh lớp học. Đại diện các nhóm lên trình bày, đại diện các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận.

3. Thực hành (tiếp theo) (20')

Trên cơ sở những yêu cầu đã trao đổi ở tiết trước, GV cho HS báo cáo về những việc mà nhóm đã làm để thực hiện bài tập nghiên cứu:

+ Mục tiêu của chủ đề, đề cương và kế hoạch nghiên cứu.

+ Những việc cần làm, thời gian dự kiến, phương pháp, cách thức tiến hành.

+ Bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và thời gian cho việc hoàn thành nhiệm vụ.

TIẾT 9

1. Khởi động (5')

GV cho HS chia sẻ về những khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu sau đó hỗ trợ, giải đáp.

2. Thực hành (tiếp theo) (40')

– GV hướng dẫn HS thực hiện nghiên cứu.

– HS làm việc cá nhân và nhóm theo kế hoạch đề ra như thu thập thông tin (sách, báo, internet, tranh ảnh,…), xử lí thông tin, tổng hợp kết quả nghiên cứu và viết báo cáo trình bày kết quả nghiên cứu để chuẩn bị chia sẻ trước lớp.

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả nghiên cứu của nhóm mình.

– Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.

– GV nhận xét, kết luận.

TIẾT 10

1. Khởi động (5')

GV mời HS chia sẻ về một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

2. Thực hành (tiếp theo) (40')

– GV tổ chức cho các nhóm còn lại báo cáo kết quả nghiên cứu.

– Các nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình thông qua các hình thức thuyết trình, thảo luận. Sau đó tự đánh giá sản phẩm của mình và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác.

– GV mời các nhóm khác nhận xét.

– GV nhận xét và kết luận.

CHUYÊN ĐỀ 2 MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LUẬT DOANH NGHIỆP (10 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được khái niệm luật doanh nghiệp và nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp.

– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp.

– Phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đơn giản thường gặp trong đời sống liên quan đến Luật Doanh nghiệp.

– Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp; phê phán các hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.

2. Về năng lực

– *Điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hành vi phù hợp với Luật Doanh nghiệp; đồng tình, ủng hộ những hành vi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp; phê phán những hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.

– *Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*: Nhận thức được các hoạt động phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

3. Phẩm chất

– *Yêu nước*: Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

– *Trung thực:* Vận động mọi người tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.

– Có *trách nhiệm* trong việc đánh giá hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Tài liệu: SGK, SGV Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12.

2. Học liệu: Tranh/ảnh, video, tình huống, câu chuyện (nếu có)... liên quan đến bài học.

3. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu, bài giảng số hoá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mở đầu (5')

a) Mục tiêu: Giới thiệu ý nghĩa của bài học; khai thác trải nghiệm, vốn sống và hiểu biết ban đầu của HS về Luật Doanh nghiệp để dẫn dắt vào bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong SGK: *Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về quy định pháp luật liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp hoặc các mô hình doanh nghiệp.*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy giáp.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung thêm ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và dẫn dắt vào bài học: Tự do kinh doanh là một trong những quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 với nội dung: "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm" (Điều 33). Căn cứ vào Hiến pháp, Nhà nước đã ban hành Luật Doanh nghiệp để tạo cơ sở pháp lí cho việc thành lập, tổ chức quản lí, tổ chức lại, giải thể,... doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thực hiện được quyền tự do kinh doanh của mình và đầu tư kinh doanh một cách hợp pháp.

2. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm luật doanh nghiệp (15')

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm luật doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Dựa vào thông tin trên, em hãy xác định mục tiêu và phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp.*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng): Mục tiêu và phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp là hướng dẫn cho các chủ thể cách thức, trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp hoặc tham gia góp vốn, mua cổ phần hoặc mua phần vốn góp vào một doanh nghiệp nào đó; quy định về các vấn đề cơ bản

như: loại hình doanh nghiệp, quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp và các hành vi bị cấm, mô hình tổ chức quản lí của từng loại hình doanh nghiệp, việc tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp.
– GV hỏi tiếp HS: Từ thông tin vừa tìm hiểu, theo em Luật Doanh nghiệp là gì?
– Một vài HS trả lời câu hỏi.
– GV nhận xét, kết luận:
Luật Doanh nghiệp là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, việc thành lập, tổ chức quản lí, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.

Hoạt động 2: Tìm hiểu quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp (25')

a) Mục tiêu: HS nêu được các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK, xác định các quyền của doanh nghiệp.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi tóm tắt quyền của doanh nghiệp ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về quyền của doanh nghiệp, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Doanh nghiệp có các quyền như: tự do kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; có quyền tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động quyết định quy mô và ngành nghề kinh doanh; có quyền tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng; tự mình quyết định việc tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật;...
– GV tiếp tục yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK để xác định các nghĩa vụ của doanh nghiệp.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi tóm tắt nghĩa vụ của doanh nghiệp ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về nghĩa vụ của doanh nghiệp, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Nghĩa vụ của doanh nghiệp: Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; phải thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng kí doanh nghiệp, đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp; phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật,... và không thực hiện những hành vi bị pháp luật cấm.
– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:
Hành vi khai thác và sử dụng loại khoáng sản đi kèm với loại khoáng sản được phép khai thác của Doanh nghiệp B trong trường hợp trên có phải là vi phạm pháp luật không? Vì sao?
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, mời các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; định hướng sản phẩm học tập (câu trả lời đúng): Hành vi khai thác và sử dụng loại khoáng sản đi kèm với loại khoáng sản được phép khai thác của Doanh nghiệp B trong trường hợp trên là vi phạm pháp luật, bởi vì, theo quy định tại Điều 8 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì Doanh nghiệp B đã không thực hiện

đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng kí doanh nghiệp hoặc đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp trước khi khai thác và sử dụng loại khoáng sản đi kèm với loại khoáng sản được phép khai thác.
– GV giao nhiệm vụ về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Làm bài luyện tập số 1 và xem lại phần các loại hình sản xuất kinh doanh đã học ở lớp 10.

TIẾT 2

1. Khởi động (5')

– GV mời 1 HS kể tên các loại hình sản xuất kinh doanh đã học ở lớp 10, mời HS khác bổ sung ý kiến (nếu có).
– GV dẫn vào tiết học.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 3: Tìm hiểu về công ty trách nhiệm hữu hạn (40')

a) Mục tiêu: HS nêu được đặc trưng của từng loại công ty trách nhiệm hữu hạn.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (20')

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và xác định đặc trưng của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi đặc trưng của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về đặc trưng của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. Thành viên có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với tỉ lệ phần vốn góp, phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (20')

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và xác định đặc trưng của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi đặc trưng của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về đặc trưng của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
– GV tiếp tục yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khác nhau ở những điểm cơ bản nào? Vì sao?*
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập và ghi câu trả lời ra nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời đại diện của 1 – 2 nhóm HS trả lời, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Điểm khác biệt cơ bản giữa công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thể hiện ở các điểm sau:
+ Về số lượng thành viên: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. Còn công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu.
+ Về trách nhiệm của thành viên: Đối với công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên thì thành viên phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp. Còn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì chủ sở hữu công ty phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.
+ Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Còn công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
– GV giao nhiệm vụ về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Tìm hiểu về các loại hình doanh nghiệp còn lại.

TIẾT 3

1. Khởi động (5')

GV kể một câu chuyện ngắn hoặc cho HS xem một đoạn video ngắn về thành tựu hoặc hoạt động của một doanh nghiệp thuộc một trong ba loại hình doanh nghiệp còn lại rồi dẫn vào tiết học.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 4: Tìm hiểu về công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân (40')

a) Mục tiêu: HS nêu được đặc trưng của công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về công ty cổ phần (10')

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và xác định đặc trưng của công ty cổ phần.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi đặc trưng của công ty cổ phần ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về đặc trưng của công ty cổ phần, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Công ty cổ phần là doanh nghiệp trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, người sở hữu cổ phần gọi là cổ đông; cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 3 và không hạn chế số lượng tối đa. Công ty cổ phần là doanh nghiệp nhà nước khi Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về công ty hợp danh (10')

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và xác định đặc trưng của công ty hợp danh.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi đặc trưng của công ty hợp danh ra giấy nháp hoặc

phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về đặc trưng của công ty hợp danh, mời các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Công ty hợp danh là doanh nghiệp trong đó phải có ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (gọi là thành viên hợp danh), ngoài ra có thể có thêm thành viên góp vốn; thành viên hợp danh phải là cá nhân, thành viên góp vốn có thể là cá nhân hoặc tổ chức.
Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về doanh nghiệp tư nhân (10')
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và xác định đặc trưng của doanh nghiệp tư nhân.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân, ghi đặc trưng của doanh nghiệp tư nhân ra nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về đặc trưng của doanh nghiệp tư nhân, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.
Nhiệm vụ 4: Nghiên cứu trường hợp trong SGK (10')
– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:
Công ty S được nêu trong trường hợp trên thuộc loại hình doanh nghiệp nào? Vì sao?
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập và ghi câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời đại diện của 1 – 2 nhóm HS trả lời, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Công ty S được nêu trong trường hợp trên thuộc loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, bởi vì nó thể hiện đầy đủ đặc trưng cơ bản của loại hình doanh nghiệp này, đó là: có 5 thành viên là tổ chức và cá nhân; cả 5 thành viên đều góp vốn cho công ty và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với tỉ lệ phần vốn góp đã cam kết.
– GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Hãy xác định loại hình doanh nghiệp của các doanh nghiệp được nêu trong bài luyện tập số 2 (yêu cầu thứ nhất).

TIẾT 4

1. Khởi động (5')

GV giới thiệu về Hồ sơ đăng kí doanh nghiệp của một doanh nghiệp cụ thể để dẫn vào tiết mới.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 5: Tìm hiểu về thành lập doanh nghiệp (40')
a) Mục tiêu: HS nêu được điều kiện và trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp.
b) Tổ chức thực hiện:
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về điều kiện thành lập doanh nghiệp (10')
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK về điều kiện thành lập doanh nghiệp.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi điều kiện thành lập doanh nghiệp ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày về điều kiện thành lập doanh nghiệp, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Điều kiện để thành lập doanh nghiệp gồm các điều kiện về vốn, về chủ thể, về ngành nghề kinh doanh, về hồ sơ và lệ phí.
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về trình tự, thủ tục đăng kí thành lập doanh nghiệp (10')
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK về trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp gồm các bước cơ bản sau: Nhà đầu tư chuẩn bị bộ hồ sơ hợp lệ và nộp cho Cơ quan đăng kí kinh doanh; Cơ quan đăng kí kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và quyết định cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp; thông báo công khai thông tin về doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp song phải đăng kí và thông báo về sự thay đổi đó theo quy định của pháp luật.
Nhiệm vụ 3: Nghiên cứu trường hợp trong SGK (20')
– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:
1/ Theo em, muốn được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, Công ty cổ phần K phải đáp ứng những điều kiện gì? Vì sao?
2/ Hãy giới thiệu trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp của Công ty cổ phần K.
3/ Khi bổ sung thêm ngành nuôi trồng thuỷ sản, Công ty cổ phần K cần phải tiến hành thủ tục gì? Nêu cụ thể các thủ tục đó.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời câu hỏi. Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
1/ Muốn được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, Công ty cổ phần K phải đáp ứng những điều kiện sau:
+ *Điều kiện về vốn*: được thể hiện qua vốn điều lệ của công ty. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần K là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần K khi đăng kí thành lập doanh nghiệp là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng kí mua và được ghi trong Điều lệ công ty.
+ *Điều kiện về chủ thể*: Tổ chức X cùng với ông M và bà N phải là tổ chức, cá nhân được pháp luật công nhận là có quyền thành lập doanh nghiệp, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Ông M và bà N phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tổ chức X thì phải có tư cách pháp nhân.
+ *Điều kiện về ngành, nghề kinh doanh*: Doanh nghiệp chỉ được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp khi ngành, nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành, nghề bị cấm

kinh doanh. Chế biến thực phẩm không thuộc danh mục ngành nghề bị cấm kinh doanh nên Công ty K đủ điều kiện.

+ *Điều kiện về tên doanh nghiệp:* Tên Công ty cổ phần K không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp đã đăng kí hoặc lạm dụng tên của cơ quan, tổ chức khác.

+ *Điều kiện về hồ sơ và lệ phí:* Để được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, đại diện của Công ty cổ phần K phải nộp hồ sơ đăng kí doanh nghiệp hợp lệ cho Cơ quan đăng kí kinh doanh và nộp đủ lệ phí thành lập doanh nghiệp.

2/ Trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp của Công ty cổ phần K bao gồm các bước sau:

+ *Bước 1:* Đại diện của Công ty cổ phần K phải chuẩn bị bộ hồ sơ hợp lệ và nộp cho cơ quan đăng kí kinh doanh theo phương thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua mạng thông tin điện tử. Hồ sơ đăng kí Công ty cổ phần K gồm các giấy tờ sau:

1. Giấy đề nghị đăng kí doanh nghiệp.
2. Điều lệ công ty.
3. Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.
4. Bản sao các giấy tờ sau đây:

• Giấy tờ pháp lí của ông M và bà N với tư cách là cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, người đại diện theo pháp luật (nếu có);

• Giấy tờ pháp lí của Tổ chức X và văn bản cử người đại diện theo uỷ quyền; giấy tờ pháp lí của cá nhân đối với người đại diện theo uỷ quyền của Tổ chức X và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức (nếu có).

• Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lí của tổ chức phải được hợp pháp hoá lãnh sự.

• Giấy chứng nhận đăng kí đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Cơ quan đăng kí kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, sau đó quyết định cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp.

Bước 3: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, doanh nghiệp phải thông báo công khai thông tin về doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp.

3/ Khi bổ sung thêm ngành nuôi trồng thuỷ sản, Công ty cổ phần K phải đăng kí với Cơ quan đăng kí kinh doanh về việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi và phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp.

– GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Làm bài luyện tập số 3.

TIẾT 5

1. Khởi động (5')

– GV yêu cầu 1 – 2 HS trình bày bài làm của mình về bài luyện tập số 3.
– GV nhận xét, kết luận.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 6: Tìm hiểu về cách thức tổ chức và quản lí của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (40')

a) Mục tiêu: HS nêu được cách thức tổ chức và quản lí của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
b) Tổ chức thực hiện:
Nhiệm vụ 1: Cách thức tổ chức và quản lí của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (15')
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK về cách thức tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân, ghi cách thức tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ra nháp/phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về cách thức tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
+ Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc quản lí và điều hành, trong đó Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, có quyền quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kí và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
+ Mỗi bộ phận: Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đều có quyền và nghĩa vụ riêng do Luật định.
Nhiệm vụ 2: Cách thức tổ chức và quản lí của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (15')
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK về cách thức tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi cách thức tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ra nháp/phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về cách thức tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
+ Ở mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì quyền quyết định cao nhất thuộc về chủ sở hữu công ty.
+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu có thể được tổ chức quản lí và hoạt động theo một trong hai mô hình:
• Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;
• Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Chủ sở hữu công ty là doanh nghiệp nhà nước thì phải thành lập Ban kiểm soát.
Mỗi bộ phận trong các mô hình tổ chức và hoạt động trên đều có những quyền và nghĩa vụ do Luật định.
+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Chủ sở hữu công ty là Chủ tịch công ty và có thể kiêm hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Chủ tịch công ty có những quyền và nghĩa vụ do Luật định; quyền, nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty và hợp đồng lao động.
Nhiệm vụ 3: Nghiên cứu trường hợp trong SGK trang 26 (10')

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, đọc trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: *Công ty K và Công ty H được nêu trong trường hợp trên được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp nào? Vì sao?*
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.
– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Trong trường hợp trên, K là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và H là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, vì cách thức tổ chức và quản lí của các công ty K và H phù hợp với cách thức tổ chức và quản lí của các loại hình doanh nghiệp này do Luật định.
– GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Các nhóm làm bài tập vận dụng.

TIẾT 6

1. Khởi động (5')
GV yêu cầu đại diện của 1 nhóm HS trình bày bài làm về bài tập vận dụng của nhóm mình. GV nhận xét và dẫn vào tiết học mới.
2. Khám phá (tiếp theo)
Hoạt động 7: Tìm hiểu về cách thức tổ chức và quản lí của công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân (40')
a) Mục tiêu: HS nêu được cách thức tổ chức và quản lí của công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân.
b) Tổ chức thực hiện:
Nhiệm vụ 1: Cách thức tổ chức và quản lí của công ty cổ phần (10')
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/nhóm, đọc thông tin trong SGK về cách thức tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi cách thức tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần ra nháp/phiếu học tập.
– GV mời 1 – 2 HS trình bày về cách thức tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
+ Công ty cổ phần có thể lựa chọn tổ chức quản lí và hoạt động theo một trong hai mô hình:
• Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;
• Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
+ Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.
+ Hội đồng quản trị là cơ quan quản lí công ty; các thành viên Hội đồng này do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
+ Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của

công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên của mình hoặc thuê người khác làm.

Nhiệm vụ 2: Cách thức tổ chức và quản lí của công ty hợp danh (10')

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/nhóm, đọc thông tin trong SGK về cách thức tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi cách thức tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh ra nháp/phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày về cách thức tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh, mời các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

+ Cơ cấu tổ chức quản lí của công ty hợp danh gồm có Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

+ Hội đồng thành viên bao gồm tất cả thành viên có quyền quyết định tất cả công việc kinh doanh của công ty.

+ Các thành viên hợp danh là người đại diện theo pháp luật của công ty và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.

+ Hội đồng thành viên bầu một thành viên hợp danh làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

Nhiệm vụ 3: Cách thức tổ chức và quản lí của doanh nghiệp tư nhân (10')

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/nhóm, đọc thông tin trong SGK về cách thức tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp tư nhân.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi cách thức tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp tư nhân ra nháp/phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày về cách thức tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp tư nhân, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

+ Ở doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật và phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Chủ doanh nghiệp có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có thể trực tiếp hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc để quản lí, điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhiệm vụ 4: So sánh cách thức tổ chức và quản lí của công ty cổ phần và công ty hợp danh (10')

– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em hãy cho biết, cách thức tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và công ty hợp danh giống và khác nhau ở những điểm cơ bản nào? Vì sao?*

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời câu hỏi. Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Cách thức tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và công ty hợp danh giống và khác nhau ở những điểm cơ bản sau:

+ Điểm giống nhau: Trong cơ cấu tổ chức quản lí của cả hai loại công ty này đều có bộ phận Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

+ Điểm khác nhau:

Công ty cổ phần	Công ty hợp danh
– Có thể lựa chọn tổ chức quản lí và hoạt động theo một trong hai mô hình: 1/ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc; 2/ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.	– Chỉ có một mô hình tổ chức quản lí là: Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
– Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.	– Hội đồng thành viên bao gồm tất cả thành viên có quyền quyết định tất cả công việc kinh doanh của công ty.
– Hội đồng quản trị là cơ quan quản lí công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	– Hội đồng thành viên bầu một thành viên hợp danh làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
– Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.	– Các thành viên hợp danh là người đại diện theo pháp luật của công ty và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.

– GV chốt nội dung kiến thức:

Cách thức tổ chức và quản lí doanh nghiệp tuỳ thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp, có loại hình doanh nghiệp chỉ được tổ chức và quản lí theo một mô hình, song có loại hình doanh nghiệp được tổ chức và hoạt động theo hai mô hình khác nhau.

– GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Làm phần còn lại của bài luyện tập số 2 (Nêu cách thức tổ chức quản lí của doanh nghiệp V, D).

TIẾT 7

1. Khởi động (5')

– GV yêu cầu 1 nhóm tiếp theo trình bày bài làm bài tập vận dụng của nhóm.

– GV nhận xét, kết luận.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 8: Tìm hiểu về các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp (40')

a) Mục tiêu: HS nêu được đặc trưng của các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/nhóm, đọc thông tin trong SGK về các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp và nêu ví dụ.

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi đặc trưng của từng hình thức tổ chức lại doanh nghiệp ra nháp/phiếu học tập.

– GV mời 1 – 2 HS trình bày đặc trưng, mời các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

Tổ chức lại doanh nghiệp gồm các hình thức chủ yếu là chia, tách, sáp nhập, hợp nhất công ty và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

+ Chia công ty là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó công ty trách nhiệm hữu hạn,

công ty cổ phần có thể chia các tài sản, quyền và nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có (gọi là công ty bị chia) để thành lập nhiều công ty mới.
+ Tách công ty là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có (gọi là công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mới (gọi là công ty được tách) mà không chấm dứt tồn tại của công ty bị tách.
+ Hợp nhất công ty là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó một số công ty (gọi là công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty mới (gọi là công ty hợp nhất), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các công ty bị hợp nhất.
+ Sáp nhập công ty là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó một hoặc một số công ty (gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập.
+ Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó một doanh nghiệp thực hiện chuyển thành loại hình doanh nghiệp khác trong sự tồn tại liên tục của doanh nghiệp. Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp gồm có các hình thức cơ bản là: Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần; chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh.
– GV chốt nội dung kiến thức như trong SGK.
– GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Làm bài luyện tập số 4.

TIẾT 8

1. Khởi động (5')
– GV yêu cầu 1 nhóm tiếp theo trình bày bài làm bài tập vận dụng của nhóm.
– GV nhận xét, kết luận.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 9: Tìm hiểu về giải thể doanh nghiệp (40')

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm, điều kiện, các trường hợp và trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Nội dung cơ bản về giải thể doanh nghiệp (40')
– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/nhóm, đọc thông tin trong SGK về giải thể doanh nghiệp.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân, ghi từng nội dung liên quan đến giải thể doanh nghiệp như khái niệm, điều kiện, các trường hợp và trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp ra nháp/phiếu học tập.
– Với mỗi nội dung liên quan đến giải thể doanh nghiệp, GV mời 1 – 2 HS trình bày đặc trưng, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
+ Giải thể doanh nghiệp: Là quá trình chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp trong điều kiện doanh nghiệp có khả năng thanh toán hoặc bảo đảm thanh toán các nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp.
+ Điều kiện để giải thể doanh nghiệp: Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh

toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Toà án hoặc Trọng tài.
+ Các trường hợp giải thể doanh nghiệp gồm có:
1/ Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn.
2/ Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần.
3/ Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
4/ Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lí thuế có quy định khác.
+ Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp gồm các bước:
1/ Thông qua nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp.
2/ Chủ doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lí tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lí riêng.
3/ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng kí kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.
4/ Cơ quan đăng kí kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp ngay sau khi nhận được nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp.
+ Khi tiến hành trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp mà trong trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan.
+ Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.
Việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp phải tiến hành theo thứ tự ưu tiên sau: 1/ Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo
thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã kí kết; 2/ Nợ thuế; 3/ Các khoản nợ khác.
Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỉ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần.
– GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: Làm bài luyện tập số 5.

TIẾT 9

1. Khởi động (5')
GV yêu cầu 1 HS nhắc lại các nội dung chính có liên quan đến giải thể doanh nghiệp, các HS khác bổ sung, góp ý hoặc phản biện và sau đó dẫn dắt vào tiết học mới.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 9: Tìm hiểu về giải thể doanh nghiệp (tiếp theo - 20')

Nhiệm vụ 2: Nghiên cứu và trả lời các câu hỏi liên quan đến các trường hợp trong SGK (20')

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc các trường hợp trong SGK và trả lời các câu hỏi sau:

1/ Trong trường hợp 1, việc Công ty C thành lập thêm hai công ty mới là D và E là thuộc hình thức nào trong số các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp được nêu ở trên? Vì sao? Nếu sau khi tổ chức lại, Công ty C không đăng kí thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống và không tiến hành đăng kí doanh nghiệp đối với các công ty D và E thì có vi phạm pháp luật không? Vì sao?

2/ Ở trường hợp 2, việc quyết định giải thể doanh nghiệp của chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 không? Vì sao?

3/ Theo em, điều kiện để Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T được giải thể doanh nghiệp là gì? Em hãy cho biết trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T bao gồm những bước nào?

– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, ghi câu trả lời ra nháp/phiếu học tập.

– GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời câu hỏi. Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày, các HS khác bổ sung ý kiến hoặc phản biện.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

1/ Trong trường hợp 1, việc Công ty cổ phần C thành lập thêm hai công ty mới là Công ty cổ phần D và Công ty cổ phần E là thuộc hình thức tách công ty, bởi vì, theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì: tách công ty là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp, theo đó, công ty cổ phần có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có (gọi là công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số công ty cổ phần mới (gọi là công ty được tách) mà không chấm dứt sự tồn tại của công ty bị tách.

Nếu sau khi tổ chức lại, Công ty cổ phần C không đăng kí thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống và không tiến hành đăng kí doanh nghiệp đối với các công ty cổ phần D và E thì là vi phạm pháp luật. Bởi vì, theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trong trường hợp tách công ty, công ty bị tách phải thực hiện đăng kí thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống (nếu có); đồng thời phải thực hiện đăng kí doanh nghiệp đối với các công ty được tách.

2/ Ở trường hợp 2, việc quyết định giải thể doanh nghiệp của chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T là phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, bởi vì, theo quy định của Luật này thì kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà công ty không có quyết định gia hạn và theo quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn là các trường hợp giải thể doanh nghiệp.

3/ Điều kiện để Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T được giải thể doanh nghiệp là phải bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Toà án hoặc Trọng tài.

Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T

bao gồm những bước sau:

+ Thông qua Quyết định giải thể doanh nghiệp T.
+ Chủ sở hữu công ty trực tiếp tổ chức thanh lí tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lí riêng.
+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày thông qua Quyết định giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng kí kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Quyết định giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T.
+ Cơ quan đăng kí kinh doanh phải thông báo tình trạng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp ngay sau khi nhận được Quyết định giải thể của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T.
– Kết thúc hoạt động này, GV chốt nội dung kiến thức:
+ Tổ chức lại doanh nghiệp gồm các hình thức chủ yếu là chia, tách, sáp nhập, hợp nhất công ty và chuyển đổi doanh nghiệp.
+ Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi có đủ điều kiện và trong những trường hợp do Luật định. Việc giải thể doanh nghiệp phải được tiến hành theo những trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

3. Luyện tập

a) Mục tiêu:

– HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.
– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Thực hiện bài luyện tập số 1 (10')

– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời đã chuẩn bị trước ở nhà, mời các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét và kết luận:

a. Doanh nghiệp A đã thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho người lao động do pháp luật quy định. Cụ thể: Doanh nghiệp đã thoả thuận với người lao động về việc trả thêm lợi tức mỗi khi trả lương cho họ chậm hơn thời hạn đã quy định; thực hiện đúng quy định về bảo đảm vệ sinh, an toàn lao động trong doanh nghiệp.

b. Doanh nghiệp N vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lí theo pháp luật vì không thực hiện đúng một số nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp quy định. Cụ thể: doanh nghiệp này kinh doanh một số mặt hàng không có trong giấy phép kinh doanh và một số năm trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động.

Nhiệm vụ 2: Thực hiện bài luyện tập số 2 (10')

– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời đã chuẩn bị trước ở nhà, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

a. Công ty V thuộc loại hình công ty cổ phần, vì trong tất cả các loại hình doanh nghiệp thì chỉ công ty cổ phần mới có vốn điều lệ được chia thành nhiều cổ phần. Công ty này là một doanh nghiệp nhà nước vì Nhà nước nắm giữ 60% tổng số cổ phần có quyền biểu

quyết.
Công ty này được tổ chức quản lí và hoạt động theo mô hình sau: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nghĩa vụ cơ bản như: Thông qua định hướng phát triển của công ty; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,...
Hội đồng quản trị là cơ quan quản lí công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ cơ bản như: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kí kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lí quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định,...
Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.
b. D là doanh nghiệp tư nhân vì nó thể hiện các đặc trưng cơ bản của loại hình doanh nghiệp này. Cụ thể: Doanh nghiệp này do một cá nhân là bà E làm chủ, chủ doanh nghiệp tự đăng kí vốn đầu tư, quyết định toàn bộ hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.
Cách thức tổ chức và quản lí của doanh nghiệp này như sau: Chủ doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật và phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, với việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; có thể trực tiếp hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc để quản lí, điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
– GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: hoàn thiện tất cả các bài tập luyện tập còn lại.

TIẾT 10

1. Khởi động (5')

GV yêu cầu 1 HS kể tên những vấn đề chính của Luật Doanh nghiệp đã được nghiên cứu, HS khác bổ sung, GV nhận xét và dẫn dắt vào tiết học mới.

2. Luyện tập (tiếp theo)

Nhiệm vụ 1: Thực hiện bài luyện tập số 4 (5')

– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời của bài luyện tập số 4 đã chuẩn bị trước ở nhà.
– GV mời các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó, GV nhận xét và kết luận:

+ Các doanh nghiệp S, O và P nêu trên đã được tổ chức lại theo hình thức sáp nhập công ty, bởi vì, theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì sáp nhập công ty là hình thức tổ chức lại doanh nghiệp theo đó một hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập. Trong trường hợp này, S và O là các công ty bị sáp nhập và P là công ty nhận sáp nhập.
+ Sau khi sáp nhập, Công ty trách nhiệm hữu hạn P có thể chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần, bởi vì, theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì: "Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần theo phương thức sau đây:
a) Chuyển đổi thành công ty cổ phần mà không huy động thêm tổ chức, cá nhân khác cùng góp vốn, không bán phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân khác;
b) Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn;
c) Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách bán toàn bộ hoặc một phần phần vốn góp cho một hoặc một số tổ chức, cá nhân khác;
d) Kết hợp phương thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này và các phương thức khác".

Nhiệm vụ 2: Thực hiện bài luyện tập số 5 (15')
– GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời của bài luyện tập số 5 đã chuẩn bị trước ở nhà.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm, viết câu trả lời vào phiếu học tập.
– GV mời các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:
Công ty X trong trường hợp được nêu trong bài luyện tập số 5 đủ điều kiện để giải thể doanh nghiệp, bởi vì, theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì "Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài". Mặc dù tổng số nợ phải thanh toán của Công ty X là 30 tỉ đồng, song tổng giá trị tài sản hiện có của Công ty là 50 tỉ đồng nên có thể bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ của công ty và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Toà án hoặc Trọng tài.

3. VẬN DỤNG (10')
***a) Mục tiêu*:** HS vận dụng những điều đã học để tìm hiểu và làm rõ những nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp.
b) Tổ chức thực hiện:
– GV tổ chức cho các nhóm còn lại báo cáo kết quả bài tập vận dụng đã chuẩn bị ở nhà.
– HS báo cáo, HS khác nhận xét.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận chung.
– GV tổng kết lại, hệ thống hoá một cách ngắn gọn những nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp đã được đề cập trong chuyên đề thông qua hệ thống hoá bằng sơ đồ (nếu có).

CHUYÊN VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ (15 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Bước đầu phân tích được những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.

– Nêu được đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.

– Nêu được những thành tựu và hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và một số biện pháp, chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

– Trình bày được khái niệm công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Năng lực

– *Điều chỉnh hành vi:* Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện đường lối, chính sách hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước.

– *Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:* Tìm hiểu những hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế trong đời sống xã hội; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè tích cực tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

3. Phẩm chất

– Rèn luyện được tinh thần *trách nhiệm* trong việc tham gia các hoạt động liên quan đến thực hiện đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.

– Thể hiện được tinh thần *yêu nước* trong việc tìm hiểu và tham gia các hoạt động liên quan đến thực hiện đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Tài liệu

SGK, SGV Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12.

2. Học liệu

Video/tranh ảnh cho hoạt động khởi động (nếu có), phiếu học tập sử dụng cho các hoạt động trong bài.

3. Thiết bị

Bảng nhóm, giấy A0, bút dạ, bút màu, máy tính, máy chiếu,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Mở đầu (7')

a) Mục tiêu: Giới thiệu mục tiêu, ý nghĩa của bài học, khai thác trải nghiệm của HS về vấn đề liên quan đến nội dung bài học, tạo hứng thú cho HS.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát lược đồ những mốc cơ bản trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Chọn một dấu mốc, giới thiệu và nêu ý nghĩa của hoạt động này đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân.
– GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/cá nhân trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

2. Khám phá

Hoạt động 1: Tìm hiểu cơ hội đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế (38')

a) Mục tiêu: HS nêu được cơ hội đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:
Em hãy cho biết thông tin 1, 2 đề cập đến những cơ hội gì cho Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hãy phân tích và làm rõ những cơ hội đó.
– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.
– GV triển khai việc báo cáo từng nhiệm vụ, mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận câu hỏi, đại diện nhóm cùng cặp nhận xét, phản biện, bổ sung, các HS trong lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Thông tin 1, 2 đề cập đến những cơ hội cho phát triển đất nước: Tạo điều kiện mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, thu hút vốn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế; Tạo cơ hội nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Tạo điều kiện thúc đẩy hội nhập các lĩnh vực văn hoá, chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
Lưu ý: Trong nhiệm vụ học tập này có yêu cầu HS phải phân tích và làm rõ những cơ hội đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế nên sau khi khai thác thông tin trong SGK, chỉ ra được các cơ hội, GV cần yêu cầu HS tiếp tục thảo luận để phân tích rõ từng cơ hội, lấy ví dụ trong thực tế để minh hoạ.

TIẾT 2

1. Khởi động (7')

– GV giao nhiệm vụ HS *nêu một ví dụ trong thực tế về một thách thức mà hội nhập kinh tế quốc tế mang lại và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội nước ta hiện nay.*
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân.
– GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/cá nhân trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 2: Tìm hiểu thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế (38')

a) Mục tiêu: HS nêu được thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Thông tin 2 cho biết tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Việt Nam gặp phải những thách thức gì?
2/ Ở thông tin 3, Đảng ta đề cập đến những thách thức gì đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế? Hãy phân tích và làm rõ những thách thức đó.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.
– GV triển khai việc báo cáo từng nhiệm vụ, mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận câu hỏi, đại diện nhóm cùng cặp nhận xét, phản biện, bổ sung, các HS trong lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
1/ Tham gia Hiệp định CPTPP đặt ra những thách thức đối với Việt Nam: (1) Áp lực cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài. Việc mở cửa thị trường, ưu đãi thuế quan tạo nên sức ép cạnh tranh đối với doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường nước ngoài cũng như thị trường trong nước do tiềm lực còn yếu, sự liên kết với nhau không cao; (2) Thách thức về hoàn thiện khung pháp lí, thể chế: tạo sức ép Việt Nam phải điều chỉnh, sửa đổi một số quy định pháp luật về thương mại, hải quan, sở hữu trí tuệ, lao động...; (3) Thách thức đáp ứng được các tiêu chuẩn cao của FTA thế hệ mới.
2/ Thông tin 3 cho thấy Đảng ta đã chỉ ra những thách thức trong hội nhập kinh tế quốc tế:
+ *Về kinh tế:* làm gia tăng sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, quốc gia, nguy cơ mất cân đối cơ cấu kinh tế.
+ *Về chính trị:* làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài, những thách thức về an ninh quốc gia.
+ *Về văn hoá, xã hội:* gia tăng khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, những tác động tiêu cực về văn hoá, lối sống.
Lưu ý: Trong nhiệm vụ học tập này có yêu cầu HS phải phân tích và làm rõ những thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế nên sau khi khai thác thông tin trong SGK, chỉ ra được các thách thức, GV cần yêu cầu HS tiếp tục thảo luận để phân tích rõ từng thách thức, lấy ví dụ trong thực tế để minh hoạ.

TIẾT 3

1. Khởi động (5')
– GV giao nhiệm vụ cho HS tóm tắt nội dung chính của tiết học trước.
– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, chuẩn bị nội dung chính của tiết học trước ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 − 2 HS trình bày, các HS khác trong lớp nhận xét, bổ sung.
– GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS vào bài mới.
2. Luyện tập
a) Mục tiêu:
– HS củng cố, hoàn thiện tri thức đã khám phá về cơ hội và thách thức trong tiến trình hội

nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
– Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trước những vấn đề liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

Thực hiện bài tập số 3 (40')

– GV giao nhiệm vụ cho HS: *Em hãy chuẩn bị bài thuyết trình về những cơ hội và thách thức đối với thanh niên Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Em sẽ làm gì để tận dụng được cơ hội và vượt qua thách thức đó?*

– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập này, chuẩn bị bài thuyết trình.

– GV tổ chức buổi toạ đàm cho HS trình bày bài thuyết trình, các HS khác nhận xét, phản biện.

– GV nhận xét và kết luận về vấn đề nghiên cứu.

TIẾT 4

1. Khởi động (5')

– GV cho HS xem video về quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, sau đó yêu cầu HS nêu ý nghĩa của hội nhập kinh tế quốc tế đối với đất nước ta.

– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, chuẩn bị nội dung ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.

– GV mời 1 − 2 HS trình bày, các HS khác trong lớp nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS vào bài mới.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 3: Tìm hiểu đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam (40')

***a) Mục tiêu*:** HS nêu được đường lối, chính sách thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:
Em hãy cho biết những đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế nào của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện trong thông tin trên.

– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.

– GV triển khai việc báo cáo từng nhiệm vụ, mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận câu hỏi, đại diện nhóm cùng cặp nhận xét, phản biện, bổ sung, các HS trong lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:

+ *Chủ trương, đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta:* Thực hiện nhất quán đường lối, chính sách đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm cơ sở hàng đầu cho mọi chính sách hội nhập; chủ động, tích cực hội nhập, dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài; hội nhập kinh tế quốc tế là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

+ *Chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước:* Chủ động mở cửa nền kinh tế; tích cực hội nhập với khu vực và thế giới; xây dựng đồng bộ hệ thống thị trường trong nước; hỗ

trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia hội nhập tích cực;...
Lưu ý: Trong phần chốt kiến thức, GV cần phân tích kĩ hơn nội dung của các chủ trương chính sách, nêu ví dụ minh hoạ và có thể yêu cầu HS lấy thêm ví dụ.

TIẾT 5

1. Khởi động (5')
– GV giao nhiệm vụ cho HS nêu tóm tắt đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.
– HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm đôi.
– GV mời 1 − 2 HS lên trình bày.
– GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập (tiếp theo)
Thực hiện bài tập số 1 (40')
– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 1.
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo cá nhân hoặc nhóm đôi, viết câu trả lời vào vở hoặc phiếu học tập.
– GV triển khai việc báo cáo từng nhiệm vụ, mời 1 − 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
A. Hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn ở trình độ thấp, tiếp nhận đầu tư, khoa học công nghệ, xuất khẩu ra thị trường thế giới không tránh khỏi bị phụ thuộc, vì thế phải giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, coi nội lực là quan trọng nhất, đảm bảo chính trị xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.
B. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, bên cạnh việc tạo điều kiện để thu hút đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu,... cần phải tăng cường sức mạnh nội sinh, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp trong nước có điều kiện thuận lợi để kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc,...
C. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cần có chính sách bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của đất nước để phát triển bền vững vì quá trình này có thể sẽ có những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên như: khai thác tài nguyên thiên nhiên không hợp lí, gây ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học,...
D. Doanh nghiệp Việt Nam là lực lượng chủ yếu tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quá trình hội nhập, doanh nghiệp Việt Nam chịu nhiều sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn trên thế giới. Vì vậy, cần có chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp trong nước ngày càng lớn mạnh.
Lưu ý: Với từng quan điểm, GV cần cho HS thảo luận, phân tích và đưa ví dụ thực tế để minh hoạ.

TIẾT 6

1. Khởi động (5')

– GV giao nhiệm vụ cho HS nêu ví dụ về tác động tích cực của nột đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.
– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 − 2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.
– GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS vào bài mới.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 4: Tìm hiểu giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam (40')

a) Mục tiêu: HS nêu được các giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy chỉ ra các biện pháp cụ thể được đề cập trong thông tin trên nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay.

2/ Em hãy kể thêm các biện pháp, chính sách để giải quyết các vấn đề trên trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay.

– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.
– GV triển khai việc báo cáo từng nhiệm vụ, mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Để giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cần thực hiện một số biện pháp, chính sách sau:
+ Rà soát, củng cố, hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến hội nhập quốc tế, cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh.
+ Thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế bền vững, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới động lực tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tháo gỡ những điểm nghẽn về thể chế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước phát triển ổn định, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài; quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu,...
+ Bảo đảm củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác kinh doanh lâu dài; tạo điều kiện, cơ hội cho phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại với bảo vệ, phát triển bền vững, hiệu quả ở các vùng, khu vực quan trọng trên cả nước.
Lưu ý: GV triển khai lần lượt từng nội dung: biện pháp đối với vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

TIẾT 7

1. Khởi động (5')

– GV giao nhiệm vụ cho HS tóm tắt nội dung chính của tiết học trước.
– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, chuẩn bị nội dung chính của tiết học trước ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 − 2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.
– GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS vào bài mới.

2. Luyện tập (tiếp theo)

Thực hiện bài tập số 2 (35')

– GV giao nhiệm vụ cho HS: *Hãy chỉ ra hạn chế về chất lượng nhân lực Việt Nam khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Theo em, cần làm gì để khắc phục hạn chế đó, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế?*
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm. Tham khảo các thông tin về chất lượng nguồn nhân lực: trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, thể lực, kĩ năng giao tiếp,... từ đó chỉ ra những điểm còn hạn chế và đề xuất giải pháp khắc phục.
– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả nghiên cứu, các nhóm khác nhận xét, phản biện.
– GV nhận xét và nêu kết luận về vấn đề nghiên cứu.

3. Vận dụng (5')

a) Mục tiêu: HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kĩ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng số 1 trong SGK: *Em hãy tìm hiểu thông tin, hình ảnh giới thiệu về thành tựu hoạt động du lịch quốc tế của Việt Nam trong những năm gần đây.*
GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, quy định về sản phẩm và thời gian nộp bài. Khuyến khích bài giới thiệu có hình ảnh minh hoạ. Sau đó, chọn bài có nội dung tốt, mời 1 − 2 HS trình bày bài viết trước lớp.

TIẾT 8

1. Khởi động (5')

– GV mời 1 − 2 HS báo cáo kết quả bài tập vận dụng số 1.
– GV mời 1 − 2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.
– GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS vào bài mới.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 5: Tìm hiểu thành tựu, hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam (40')

a) Mục tiêu: HS nêu được thành tựu và hạn chế trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin, quan sát biểu đồ trong SGK và trả lời câu hỏi:
1/ Em hãy nêu một số dẫn chứng thực tế minh hoạ cho những thành tựu đạt được trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được đề cập trong thông tin 1.
2/ Theo em, thông tin 2 đề cập đến những hạn chế nào của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế? Hãy nêu ví dụ thực tế làm rõ thêm hạn chế của hội nhập kinh tế quốc tế nước ta và cho biết điều đó ảnh hưởng thế nào đến hiệu quả hội nhập.

– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.
– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
+ Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, tích cực hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể:
• *Về đối ngoại:* Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới, tham gia nhiều hình thức hội nhập quốc tế.
• *Về kinh tế:* Kí kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng, mở rộng quan hệ thương mại quốc tế tới nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ, cải thiện cán cân thương mại, thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế.
• *Về chính trị, văn hoá, xã hội:* Thực hiện cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế; phát triển khoa học − công nghệ, tăng năng suất lao động, phát huy sức mạnh giá trị văn hoá, con người Việt Nam trên thế giới.
+ Bên cạnh những thành tựu đó, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam còn một số hạn chế như:
• Nền kinh tế quốc gia phát triển chưa bền vững.
• Năng lực cạnh tranh quốc gia và của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp.
• Cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình hội nhập từ trung ương đến địa phương, giữa các ban ngành còn nhiều bất cập.
• Chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng chậm được cải thiện.
• Năng lực đội ngũ cán bộ công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

TIẾT 9

1. Khởi động (5')
– GV giao nhiệm vụ cho HS tóm tắt nội dung chính của tiết học trước.
– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, chuẩn bị nội dung chính của tiết học trước ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 − 2 HS trình bày, các HS khác trong lớp nhận xét, bổ sung.
– GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS vào bài mới.

2. Luyện tập (tiếp theo)
Thực hiện bài tập số 3 (40')
– GV giao nhiệm vụ cho HS: *Em hãy chuẩn bị bài thuyết trình về những cơ hội và thách thức đối với thanh niên Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Em sẽ làm gì để tận dụng được cơ hội và vượt qua thách thức đó?*
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm hoặc cá nhân.
Gợi ý:
+ Những cơ hội đối với thanh niên Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế về: giáo dục, việc làm, khả năng tiếp cận khoa học – công nghệ,...
+ Những thách thức về: kĩ năng giao tiếp, ngoại ngữ, sức khoẻ,...
– GV tổ chức buổi toạ đàm, mời các HS/đại diện các nhóm trình bày bài thuyết trình đã chuẩn bị.

– GV nhận xét và tổng kết buổi toạ đàm.

TIẾT 10

1. Khởi động (5')

– GV mời 1 − 2 HS lên báo cáo kết quả bài tập vận dụng số 1.
– Mời HS trong lớp nhận xét.
– GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS vào bài mới.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 6: Tìm hiểu về công dân toàn cầu (20')

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm công dân toàn cầu.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:
1/ Thông tin trên cho biết một công dân toàn cầu có những biểu hiện về kiến thức, kĩ năng, thái độ nào?
2/ Em hiểu thế nào là công dân toàn cầu?
– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.
– GV triển khai việc báo cáo từng nhiệm vụ, mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận câu hỏi, đại diện nhóm cùng cặp nhận xét, phản biện, bổ sung, các HS trong lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Công dân toàn cầu là người có hiểu biết về thế giới; biết tôn trọng sự đa dạng của các giá trị trong các nền văn hoá và biết chịu trách nhiệm về hành động của mình, ý thức được vai trò của bản thân như một công dân thế giới, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng từ địa phương đến toàn cầu; sẵn sàng hợp tác với người khác để làm cho thế giới trở nên công bằng và bền vững hơn.

3. Luyện tập (tiếp theo - 20')

Sau khi tìm hiểu các kiến thức về công dân toàn cầu, GV nêu 1 − 2 ví dụ về công dân toàn cầu (hoặc có thể giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu và giới thiệu gương một công dân toàn cầu). Từ đó, cho HS áp dụng những kiến thức đã học về công dân toàn cầu để phân tích, chỉ ra những biểu hiện về năng lực, phẩm chất của người công dân toàn cầu đối với nhân vật trong ví dụ.

TIẾT 11

1. Khởi động (5')

– GV giao nhiệm vụ cho HS tóm tắt nội dung chính của tiết học trước.
– Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, chuẩn bị nội dung chính của tiết học trước ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 − 2 HS trình bày, mời các HS khác trong lớp nhận xét, bổ sung.
– GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt HS vào bài mới.

2. Luyện tập (tiếp theo)

Thực hiện bài tập số 5 (40')

– GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị bài thuyết trình về chủ đề "Công dân toàn cầu" với những nội dung gợi ý:

+ Những phẩm chất cần thiết của người công dân toàn cầu.
+ Làm thế nào để trở thành công dân toàn cầu?
– GV tổ chức diễn đàn cho các HS lên trình bày bài thuyết trình của mình. Mời các HS khác trong lớp nhận xét và phản biện.
– GV nhận xét và kết luận buổi thảo luận.

TIẾT 12

1. Khởi động (5')

– GV mời 1 − 2 HS trình bày kết quả bài tập vận dụng số 1.
– Mời các HS khác trong lớp nhận xét.
– GV nhận xét và kết luận dẫn dắt vào bài mới.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 7: Tìm hiểu hợp tác quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế (35')

a) Mục tiêu: HS nêu được các vấn đề hợp tác quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:
Em hãy cho biết những cam kết hợp tác nào trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng, văn hoá xã hội của các quốc gia thành viên trong Cộng đồng ASEAN được thể hiện trong thông tin 1.
– HS thực hiện nhiệm vụ cùng nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trước lớp.
– GV triển khai việc báo cáo từng nhiệm vụ, mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận câu hỏi, đại diện nhóm cùng cặp nhận xét, phản biện, bổ sung, các HS trong lớp nhận xét, bổ sung ý kiến.
– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận:
Thông tin 1 cho biết Cộng đồng ASEAN là một tổ chức hợp tác khu vực mở có mức độ liên kết sâu rộng, cam kết hợp tác chính trị, an ninh, kinh tế và văn hoá − xã hội: thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN thông qua hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau; phát triển nguồn nhân lực thông qua hợp tác chặt chẽ hơn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; hợp tác trong việc xây dựng cho ASEAN một môi trường an toàn, an ninh và không có ma tuý,...
Trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác quốc tế giữa các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam ngày càng được mở rộng, phát triển, thiết thực và hiệu quả.
+ *Về phương diện chính trị:* Đối thoại và hợp tác trở thành công cụ giúp các quốc gia hướng tới hoà bình, ổn định, phát triển.
+ *Về phương diện kinh tế:* Hợp tác quốc tế cho phép tự do hoá thương mại, tăng cường đầu tư quốc tế, phát triển các tập đoàn kinh tế vươn tầm ảnh hưởng tới mọi khu vực, vùng, lãnh thổ trên thế giới,...
+ *Về văn hoá, xã hội:* Hợp tác quốc tế mở rộng cơ hội giao lưu, học tập, tiếp cận và tiếp thu những thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến, tiếp xúc với phong tục, tập quán, ngôn ngữ, nghệ thuật,... của những nền văn hoá khác nhau.

3. Vận dụng (tiếp theo) (5')

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng số 2 trong SGK: *Em hãy viết bài*

giới thiệu về một thành tựu trong hội nhập kinh tế quốc tế của địa phương em.
– GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, quy định về sản phẩm và thời gian nộp bài. Khuyến khích bài giới thiệu có hình ảnh minh hoạ.

TIẾT 13

1. Khởi động (5')
– GV mời 1 − 2 HS trình bày kết quả bài tập vận dụng số 2.
– Mời các HS khác trong lớp nhận xét.
– GV nhận xét và kết luận dẫn dắt vào bài mới.

2. Khám phá (tiếp theo)

Hoạt động 8: Tìm hiểu nguyên tắc giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế (40')

a) Mục tiêu: HS nêu được nguyên tắc giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Tổ chức thực hiện:
– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:
Thông tin 2 cho biết nguyên tắc giải quyết các xung đột về kinh tế diễn ra trong tiến trình hội nhập quốc tế ở nước ta như thế nào?
– HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm hoặc cá nhân, viết câu trả lời ra giấy nháp hoặc phiếu học tập.
– GV mời 1 − 2 HS trình bày câu trả lời, các HS khác nhận nhận xét, bổ sung.
– GV nhận xét và kết luận:
Trong giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế cần ưu tiên cơ chế thương lượng, hoà giải, trọng tài, đảm bảo nguyên tắc ứng phó và xử lí linh hoạt trước diễn biến trên thế giới, hoàn thiện hệ thống phòng vệ thương mại để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với cam kết quốc tế. Đồng thời cần sử dụng pháp luật quốc tế trong bảo vệ quyền lợi chính đáng của Việt Nam để giải quyết các xung đột, nhất là các vấn đề về cạnh tranh thương mại, nhân lực, khoa học công nghệ, môi trường,...

TIẾT 14

1. Khởi động (5')
– GV mời 1 − 2 HS trình bày kết quả bài tập vận dụng số 2.
– Mời các HS khác trong lớp nhận xét.
– GV nhận xét và kết luận dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập (tiếp theo)

Thực hiện bài tập số 4 (40')
– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 4: *Em hãy sưu tầm thông tin về một hợp tác kinh tế song phương của Việt Nam với một quốc gia trên thế giới và giới thiệu những cơ hội mang lại từ quan hệ hợp tác này đối với nước ta.*
– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, chuẩn bị bài giới thiệu bao gồm bài viết, có thể kèm theo hình ảnh hoặc các slide, có ví dụ thực tiễn để minh chứng thực tế về những cơ hội của quan hệ hợp tác này.

– GV tổ chức buổi báo cáo kết quả, mời 2 − 5 nhóm trình bày, các HS trong lớp nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận buổi thảo luận.

TIẾT 15

1. Khởi động (tiếp theo)

– GV mời 1 − 2 HS trình bày kết quả bài tập vận dụng số 2.

– Mời các HS khác trong lớp nhận xét.

– GV nhận xét và kết luận dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập (tiếp theo)

Nhiệm vụ 1: Tổng kết chuyên đề (20')

– GV giao nhiệm vụ cho HS vẽ sơ đồ tư duy tổng kết những nội dung chính trong chuyên đề học tập.

– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm hoặc cá nhân, vẽ sơ đồ tư duy vào giấy A0 hoặc vào vở.

– GV mời 1 − 2 HS lên trình bày kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận (có thể chiếu lên màn hình sơ đồ tư duy để HS tiện theo dõi).

Nhiệm vụ 2: GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả bài tập vận dụng (20')

– GV mời một vài HS lên báo cáo kết quả bài tập vận dụng số 2.

– Mời HS trong lớp nhận xét.

– GV nhận xét và tổng kết kết thúc chuyên đề học tập số 3.